

**Biểu mẫu 09**

SỞ GD&amp;ĐT NAM ĐỊNH

**TRƯỜNG THPT C HẢI HẬU****THÔNG BÁO****Cam kết chất lượng giáo dục, năm học 2022-2023**

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp			
		Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12	
I	Điều kiện tuyển sinh	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đã tốt nghiệp THCS chương trình giáo dục phổ thông hoặc chương trình GDTX, trong độ tuổi theo quy định của Điều lệ trường THCS, THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học;</li> <li>- Có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Nam Định hoặc tốt nghiệp THCS tại tỉnh Nam Định và có đủ hồ sơ hợp lệ.</li> <li>- Trúng tuyển vào lớp 10 theo Quy định của Sở GD&amp;ĐT.</li> </ul>		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoàn thành chương trình của năm học trước, được xếp loại học lực và hạnh kiểm từ trung bình trở lên, nghỉ không quá 45 buổi học trong năm học lớp 10 (nghỉ có phép hoặc không phép, nghỉ liên tục hoặc nghỉ nhiều lần cộng lại).</li> </ul>	
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	<p><b>Thực hiện chương trình giáo dục 2018 đối với học sinh lớp 10, căn cứ nguyện vọng của học sinh, đội ngũ giáo viên và các điều kiện thực tế, nhà trường tổ chức các môn học lựa chọn theo phương án 3-1-1, có 2 nhóm lớp chính:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Nhóm các môn học tự nhiên có 6 lớp</b> gồm các môn học Vật lý, Hoá học, Sinh học, 1 môn thuộc nhóm xã hội (Lịch sử hoặc Địa lý), 1 môn thuộc nhóm công nghệ và nghệ thuật (Tin học hoặc Công nghệ).</li> <li>- <b>Nhóm các môn học xã hội có 4 lớp</b> gồm các môn học Lịch sử, Địa lý, Kinh tế và pháp luật, 1 môn thuộc nhóm tự nhiên (Vật lý hoặc Hoá học), 1 môn thuộc nhóm công nghệ và nghệ thuật (Tin học hoặc Công nghệ).</li> </ul>		<p>Thực hiện theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGD&amp;ĐT ngày 05/5/2006 của Bộ GD&amp;ĐT và Công văn số 5842/BGD&amp;ĐT – VP ngày 1/9/2011 của Bộ trưởng Bộ GD&amp;ĐT về việc hướng dẫn điều chỉnh nội dung dạy học giáo dục phổ thông; Công văn số 8607/BGD&amp;ĐT-GDTrH ngày 16/8/2007 của Bộ GD&amp;ĐT về hướng dẫn dạy học tự chọn cấp THCS và cấp THPT; Công văn số 8608/BGD&amp;ĐT-GDTrH ngày 16/8/2007 của Bộ GD&amp;ĐT về thực hiện hoạt động GD nghề PT lớp 11.</p>	

III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình; Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	<p>Nhà trường tạo điều kiện thuận lợi để Ban đại diện cha mẹ học sinh hoạt động; Tổ chức các cuộc họp định kỳ và đột xuất giữa nhà trường với cha mẹ học sinh, Ban đại diện cha mẹ học sinh để tiếp thu ý kiến về công tác quản lý của nhà trường, các biện pháp giáo dục học sinh, giải quyết các kiến nghị của cha mẹ học sinh, góp ý kiến cho hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh. Giáo viên chủ nhiệm nắm chắc hoàn cảnh gia đình học sinh, có số điện thoại của phụ huynh để liên lạc kịp thời, phối hợp với phụ huynh để giáo dục học sinh; Phụ huynh quản lý học sinh tự học tại gia đình, có trách nhiệm đóng góp kinh phí học tập cho học sinh theo qui định.</p> <p>Học sinh có thái độ học tập tích cực, chủ động, sáng tạo; tập trung trên lớp, tự giác ở nhà.</p>	
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết hợp với Đoàn TNCS Hồ Chí Minh nhà trường tổ chức ra các báo học tập, trao đổi kinh nghiệm học tập trên báo hoặc các câu lạc bộ môn học, trên mạng xã hội... Chú trọng cải tiến phương pháp học hiệu quả; tổ chức các hoạt động giáo dục trải nghiệm sáng tạo, nghiên cứu khoa học, giáo dục giá trị sống, kỹ năng sống, các câu lạc bộ về môn học, TDTT, văn nghệ, nghệ thuật...</li> <li>- Chú ý dạy học sinh phương pháp tự học; bồi dưỡng học sinh giỏi; phụ đạo học sinh kém.</li> <li>- Tổ chức các buổi tư vấn chọn nghề và chọn khối thi cho các em học sinh 12.</li> <li>- Tặng sách giáo khoa, đồ dùng học tập, hỗ trợ kinh phí cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn.</li> <li>- Tổ chức lao động vệ sinh trường lớp, chăm sóc cây và cải tạo môi trường, lao động gắn với xã hội...</li> <li>- Tổ chức khám sức khỏe cho học sinh; có phòng y tế đạt chuẩn để chăm sóc sức khỏe cho học sinh.</li> </ul> <p>Có hệ thống lọc nước sạch để uống cho học sinh.</p>	
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mức độ phẩm chất, năng lực học sinh sẽ đạt được sau khi kết thúc chương trình năm học.</li> <li>* Về phẩm chất: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Yêu nước: Học sinh có được tình yêu đất nước được thể hiện qua tình yêu thiên nhiên, di sản, yêu người dân đất nước mình, yêu truyền thống dân tộc; tự hào và bảo vệ những điều thiêng liêng đó, đồng thời biết làm ra các việc làm thiết thực để thể hiện tình yêu đó.</li> <li>+ Nhân ái: Học sinh biết yêu thương, đùm bọc mọi người; yêu cái đẹp, yêu cái thiện; tôn trọng sự khác biệt; cảm thông, độ lượng và sẵn lòng giúp đỡ người khác, tôn trọng sự khác biệt của những người xung quanh, không phân biệt đối xử, sẵn sàng tha thứ, tôn trọng về văn hóa, tôn trọng cộng đồng.</li> <li>+ Chăm chỉ: Học sinh có được đức tính chăm học, chăm làm, hăng say học hỏi và nhiệt tình tham gia công việc chung. Chăm chỉ học tập, học</li> </ul> </li> </ul>	

	<p>mọi lúc mọi nơi, luôn dám nghĩ dám làm, dám đặt câu hỏi.</p> <p>+ Trung thực: học sinh được rèn luyện tính thật thà, ngay thẳng và biết đứng ra bảo vệ lẽ phải, mạnh dạn nói lên ý kiến của mình, biết nhận lỗi, sửa lỗi, bảo vệ cái đúng cái tốt.</p> <p>+ Trách nhiệm: Học sinh có trách nhiệm với những gì mình làm, có trách nhiệm với bản thân, với gia đình và xã hội.</p> <p>* Về năng lực:</p> <p>+ <i>Tự chủ và Tự học</i>: xác định đúng đắn mục tiêu học tập; lập kế hoạch và thực hiện cách học; và đánh giá, điều chỉnh cách học nhằm tự học và tự nghiên cứu một cách hiệu quả và có chất lượng.</p> <p>+ <i>Giao tiếp và Hợp tác</i>: xác định được mục đích giao tiếp; có kỹ năng thể hiện thái độ giao tiếp; lựa chọn và sử dụng phương thức giao tiếp dựa trên nền tảng kỹ năng sử dụng tiếng Việt và ngoại ngữ. Xác định được mục đích và phương thức hợp tác, trách nhiệm và hoạt động của bản thân trong quá trình hợp tác, nhu cầu và khả năng của người hợp tác; tổ chức và thuyết phục người khác; đánh giá hoạt động hợp tác.</p> <p>+ <i>Giải quyết vấn đề và sáng tạo</i>: phát hiện và làm rõ được vấn đề; đề xuất, lựa chọn, thực hiện và đánh giá được các giải pháp giải quyết vấn đề; nhận ra, hình thành và triển khai được các ý tưởng mới; và có tư duy độc lập.</p> <p>+ <i>Tìm hiểu tự nhiên và xã hội</i>: Có hứng thú và thường xuyên tìm hiểu về các hiện tượng tự nhiên, các vấn đề xã hội. Vận dụng kiến thức vào giải quyết các vấn đề thực tiễn. Có tư duy khoa học.</p> <p>+ <i>Thẩm mỹ</i>: nhận ra cái đẹp; diễn tả, giao lưu thẩm mỹ; và tạo ra cái đẹp.</p> <p>+ <i>Thể chất</i>: sống thích ứng và hài hòa với môi trường; rèn luyện sức khỏe thể lực; và nâng cao sức khỏe tinh thần.</p> <p>+ <i>Tính toán</i>: sử dụng các phép tính và đo lường cơ bản; sử dụng ngôn ngữ toán; và sử dụng các công cụ tính toán.</p> <p>+ <i>Sử dụng công nghệ</i>: có khả năng sử dụng và quản lý các phương tiện, công cụ của công nghệ kỹ thuật số; nhận biết, ứng xử phù hợp chuẩn mực đạo đức trong xã hội số hóa; phát hiện và giải quyết vấn đề trong môi trường công nghệ tri thức; học tập, tự học với sự hỗ trợ của ICT; và giao tiếp, hòa nhập và hợp tác trong môi trường ICT.</p> <p>+ <i>Ngôn ngữ</i>: Phát triển khả năng diễn đạt, trình bày. Có vốn từ phong phú. Yêu tiếng Việt.</p> <p>+ <i>Tin học</i>: Có khả năng sử dụng thành thạo máy tính phục vụ cho việc học tập ở mức độ căn bản.</p> <p>- Số lượng, chất lượng các hoạt động giáo dục nhà trường cam kết thực hiện trong năm học.</p> <p>+ 100% học sinh được giáo dục lý tưởng, tư tưởng chính trị, đạo đức, tác phong, kỹ năng sống. Tỷ lệ xếp loại hạnh kiểm Khá, Tốt đạt 99% trở lên, không có học sinh vi phạm nghiêm trọng về đạo đức, pháp luật.</p> <p>+ Khối 10, 11 lên lớp thẳng: đạt 100%..</p>	
--	---	--

		<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Khối 12: 100% đỗ tốt nghiệp.</li> <li>+ Xếp loại học lực Khá, Giỏi: đạt 98% trở lên (trong đó học lực Giỏi: 50% trở lên); không có học lực yếu và kém</li> <li>+ Thi HSG các môn văn hóa cấp tỉnh: Có có trên 90% số học sinh tham gia có giải, trong đó có giải nhất cá nhân, toàn đoàn nằm trong top 15</li> <li>+ Thi KHKT dành cho học sinh: Có sản phẩm dự thi lọt vào vòng trong</li> <li>+ Học sinh dự thi STEM: Có sản phẩm dự thi đạt giải xuất sắc</li> <li>+ Thi giải Toán và các môn KH bằng tiếng Anh: Phần đầu có học sinh dự thi và có giải</li> <li>+ Olympic các môn học cấp tỉnh: Có giải cá nhân</li> <li>+ Thi HSG thể thao: Phần đầu giải Ba toàn đoàn.</li> <li>+ Thi hùng biện tiếng Anh cấp tỉnh: cả 3 học sinh đều đạt giải và giải nhì toàn đoàn</li> <li>+ Sáng kiến kinh nghiệm: Nhận cờ xuất sắc</li> <li>+ Thi tốt nghiệp THPT Quốc gia đạt kết quả điểm trung bình mỗi môn đều xếp thứ tự không quá 20 của tỉnh và có 03 môn đạt điểm bình quân trong top 10 của Sở. Phần đầu có học sinh có tổng điểm 29 theo tổ hợp 3 môn để xét vào Đại học. 100% học sinh lớp 12 đỗ tốt nghiệp.</li> <li>+ Các cuộc thi, hội thi khác: phần đầu có giải chính thức và được khen thưởng: Tham gia đầy đủ các cuộc thi, hội thi do cấp trên tổ chức, phần đầu có giải cá nhân.</li> </ul>		
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	Học sinh có đủ trình độ và năng lực để tiếp tục học lên lớp 11	Học sinh có đủ trình độ và năng lực để tiếp tục học lên lớp 12	Học sinh có đủ năng lực, phẩm chất để tiếp tục học lên Đại học, Cao đẳng hoặc học nghề sau khi tốt nghiệp

Hải Hậu, ngày 11 tháng 5 năm 2022

**HIỆU TRƯỞNG**

**Nguyễn Văn Chiêu**

**Biểu mẫu 10**

SỞ GD&amp;ĐT NAM ĐỊNH

**TRƯỜNG THPT C HẢI HẬU****THÔNG BÁO****Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường, năm học 2021-2022**

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12	
<b>I</b>	<b>Số học sinh chia theo hạnh kiểm</b>	<b>1158</b>	<b>404</b>	<b>372</b>	<b>382</b>	
1	Tốt(tỷ lệ so với tổng số)	99,48	99,26	99,46	99,74	
2	Khá(tỷ lệ so với tổng số)	0,52	0,74	0,54	0,26	
3	Trung bình(tỷ lệ so với tổng số)	0,0	0,0	0,0	0,0	
4	Yếu(tỷ lệ so với tổng số)	0,0	0,0	0,0	0,0	
<b>II</b>	<b>Số học sinh chia theo học lực</b>	<b>1158</b>	<b>404</b>	<b>372</b>	<b>382</b>	
1	Giỏi(tỷ lệ so với tổng số)	57,26	41,09	49,46	81,94	
2	Khá(tỷ lệ so với tổng số)	41,62	57,43	48,66	18,06	
3	Trung bình(tỷ lệ so với tổng số)	1,04	1,49	1,61	0,0	
4	Yếu(tỷ lệ so với tổng số)	0,0	0,0	0,0	0,0	
5	Kém(tỷ lệ so với tổng số)	0,0	0,0	0,0	0,0	
<b>III</b>	<b>Tổng hợp kết quả cuối năm</b>	<b>1158</b>	<b>404</b>	<b>372</b>	<b>382</b>	
1	Lên lớp(tỷ lệ so với tổng số)	100,0	100,0	100,0	100,0	
a	Học sinh giỏi(tỷ lệ so với tổng số)	57,26	41,09	49,46	81,94	
b	Học sinh tiên tiến(tỷ lệ so với tổng số)	41,62	57,43	48,66	18,06	
2	Thi lại(tỷ lệ so với tổng số)	0,0	0,0	0,0	0,0	
3	Lưu ban(tỷ lệ so với tổng số)	0,0	0,0	0,0	0,0	
4	Chuyển trường đến/đi(tỷ lệ so với tổng số)	1,47 / 0,17	2,23/ 0,0	1,88/ 0,54	0,26 / 0,0	

5	Bị đuổi học(tỷ lệ so với tổng số)	0,0	0,0	0,0	0,0	
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	1,12	1,23	1,61	0,52	
<b>IV</b>	<b>Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi</b>					
1	Cấp huyện	0	0	0	0	
2	Cấp tỉnh/thành phố	32	20	12	0	
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0	0	0	0	
<b>V</b>	<b>Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp</b>	382			38	
<b>VI</b>	<b>Số học sinh được công nhận tốt nghiệp</b>					
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)					
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)					
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)					
<b>VII</b>	<b>Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)</b>					
<b>VIII</b>	<b>Số học sinh nam/số học sinh nữ</b>	454/ 704	144/ 260	145/ 227	165/ 217	
<b>IX</b>	<b>Số học sinh dân tộc thiểu số</b>	3	1	1	1	

Hải Hậu, ngày 11 tháng 5 năm 2022

**HIỆU TRƯỞNG**

**Nguyễn Văn Chiêu**

**Biểu mẫu 11**

SỞ GD&amp;ĐT NAM ĐỊNH

**TRƯỜNG THPT C HẢI HẬU****THÔNG BÁO****Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường, năm học 2022-2023**

ST T	Nội dung	Số lượng	Bình quân
<b>I</b>	<b>Số phòng học</b>		Số m <sup>2</sup> /học sinh
<b>II</b>	<b>Loại phòng học</b>		-
1	Phòng học kiên cố	34	-
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
5	Số phòng học bộ môn	4	-
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	1	-
7	Bình quân lớp/phòng học	0,88	-
8	Bình quân học sinh/lớp	40	-
<b>III</b>	<b>Số điểm trường</b>	1	-
<b>IV</b>	<b>Tổng số diện tích đất (m<sup>2</sup>)</b>	12.902	12
<b>V</b>	<b>Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m<sup>2</sup>)</b>	8.000	7
<b>VI</b>	<b>Tổng diện tích các phòng</b>		
1	Diện tích phòng học (m <sup>2</sup> )	54	1,35
2	Diện tích phòng học bộ môn (m <sup>2</sup> )	60	1,5
3	Diện tích phòng chuẩn bị (m <sup>2</sup> )	20	
3	Diện tích thư viện (m <sup>2</sup> )	80	
4	Diện tích nhà tập đa năng	600	

	(Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m <sup>2</sup> )		
5	Diện tích phòng khác (...)(m <sup>2</sup> )	92	
<b>VII</b>	<b>Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu</b> (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Khối lớp 10	1	
2	Khối lớp 11	1	
3	Khối lớp 12	1	
4	Khu vườn sinh vật, vườn địa lí (diện tích/thiết bị)	750	-
<b>VII I</b>	<b>Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập</b> (Đơn vị tính: bộ)	60	2 học sinh/bộ
<b>IX</b>	<b>Tổng số thiết bị đang sử dụng</b>		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	2	
2	Cát xét	10	
3	Đầu Video/đầu đĩa	3	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	15	
5	Máy chiếu đa năng	1	

	Nội dung	Số lượng (m <sup>2</sup> )
<b>X</b>	<b>Nhà bếp</b>	0
<b>XI</b>	<b>Nhà ăn</b>	0

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m <sup>2</sup> )	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
<b>XII</b>	<b>Phòng nghỉ cho học sinh bán trú</b>	0		
<b>XIII</b>	<b>Khu nội trú</b>	0		

<b>XIV</b>	<b>Nhà vệ sinh</b>	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m <sup>2</sup> /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh	4	0	9	0	0,4
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh	0	0	0	0	0

	Nội dung	Có	Không
<b>XV</b>	<b>Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh</b>	<i>x</i>	
<b>XVI</b>	<b>Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)</b>	<i>x</i>	
<b>XVII</b>	<b>Kết nối internet (ADSL)</b>	<i>x</i>	
<b>XVIII</b>	<b>Trang thông tin điện tử (website) của trường</b>	<i>x</i>	
<b>XIX</b>	<b>Tường rào xây</b>	<i>x</i>	

Hải Hậu, ngày 11 tháng 5 năm 2022

**HIỆU TRƯỞNG**

**Nguyễn Văn Chiêu**



1	Hiệu trưởng	1		1				1				1		
2	Phó hiệu trưởng	3		1	2			3				3		
<b>III Nhân viên</b>														
1	Nhân viên văn thư	1			1									
2	Nhân viên kế toán	1			1									
3	Thủ quỹ	1			1									
4	Nhân viên y tế	1					1							
5	Nhân viên thư viện	1					1							
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	1					1							
7	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	0												
8	Nhân viên công nghệ thông tin													
9	Bảo vệ	3						3						

Hải Hậu, ngày 11 tháng 5 năm 2022

**HIỆU TRƯỞNG**

**Nguyễn Văn Chiêu**